

Số: 860 /ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 25 tháng 09 năm 2013

**TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**  
**NĂM HỌC 2013-2014**

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
<b>KHOA Y (18 ĐỀ TÀI)</b>						
1.	Đánh giá kết quả sớm điều trị bướu lành tuyến giáp bằng phẫu thuật nội soi tại thành phố Cần Thơ	1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bướu lành tuyến giáp. 2. Đánh giá kết quả điều trị bướu lành tuyến giáp bằng phẫu thuật nội soi tại thành phố Cần Thơ	- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> tiến cứu mô tả cắt ngang. - <i>Cỡ mẫu dự kiến:</i> $\geq 60$ . Bệnh nhân vào viện được chẩn đoán bướu lành tuyến giáp bao gồm bướu giáp nhân, nang giáp và được chỉ định mổ cắt thủy tuyến giáp qua nội soi. - <i>Thời gian từ</i> 01/2012 – 01/2014 - <i>Địa điểm nghiên cứu:</i> BV ĐK TP Cần Thơ, BVĐK TW Cần Thơ và BV ĐHYD Cần Thơ	<b>5.000.000</b>	Ts. Nguyễn Văn Lâm	
2.	Nghiên cứu các dạng thay đổi động mạch túi mật, ống túi mật trên bệnh nhân được phẫu thuật cắt túi mật nội soi	1. Mô tả đặc điểm giải phẫu của ống túi mật và động mạch túi mật trên bệnh nhân cắt túi mật nội soi. 2. Xác định tỷ lệ các dạng thay đổi ống túi mật và động mạch túi mật trên bệnh nhân phẫu thuật cắt túi mật nội soi.	<i>Phương pháp nghiên cứu:</i> Nghiên cứu tiến cứu mô tả cắt ngang. Dự kiến số mẫu hơn 100 bệnh nhân được phẫu thuật cắt túi mật tại BV Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ. Thời gian: 04/2012 đến 04/2014.	<b>10.000.000</b>	Ts. Nguyễn Văn Lâm	
3.	Tỉ lệ nhiễm vi sinh vật trên da và một số yếu tố liên quan đến bệnh trứng cá có bôi	1. Xác định tỉ lệ nhiễm vi sinh vật trên da bệnh nhân trứng cá có bôi corticosteroid	- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> Mô tả hàng loạt ca, chọn mẫu thuận tiện - <i>Đối tượng nghiên cứu:</i> Bệnh nhân trứng cá đến khám tại BVĐL Cần Thơ được	<b>10.000.000</b>	Ts. Huỳnh Văn Bá	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
	corticosteroid.	2. Mô tả một số yếu tố liên quan giữa tỉ lệ nhiễm vi sinh vật trên da và đặc điểm bệnh trứng cá có bôi corticosteroid.	<p>xác định rõ ràng có sử dụng corticosteroid bôi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cỡ mẫu dự kiến: 150 bệnh nhân</li> <li>- Các bước tiến hành:</li> </ul> <p>Thu thập các thông tin liên quan đến đặc tính của bệnh nhân trứng cá có sử dụng các sản phẩm chứa corticosteroid.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm xác định tỉ lệ nhiễm vi sinh vật trên da bệnh nhân trứng cá có bôi corticosteroid: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xét nghiệm cao vẩy da soi tìm vi nấm và ký sinh trùng <i>Demodex</i></li> <li>+ Nuôi cấy, phân lập vi khuẩn staphylococci, gram âm trên các tổn thương viêm nhiễm nung mủ.</li> </ul> </li> <li>- Phân tích một số yếu tố liên quan giữa tỉ lệ nhiễm vi sinh vật trên da và đặc điểm bệnh trứng cá có bôi corticosteroid: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tỉ lệ nhiễm vi sinh vật và tình hình sử dụng corticosteroid bôi</li> <li>+ Tỉ lệ nhiễm vi sinh vật và thời gian bôi corticosteroid</li> <li>+ Tỉ lệ nhiễm vi sinh vật và dạng lâm sàng trứng cá mụn mủ</li> <li>+ Tỉ lệ nhiễm vi sinh vật và trứng cá đỏ</li> <li>+ Tỉ lệ nhiễm vi sinh vật và viêm da quanh miệng</li> <li>+ Tỉ lệ nhiễm vi sinh vật và phát ban dạng trứng cá</li> </ul> </li> </ul>			
4.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh tay chân miệng ở trẻ em tại khoa Nhiễm - bệnh viện Nhi Đồng	<p>1. Xác định đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh tay chân miệng ở trẻ em tại khoa Nhiễm - BV Nhi Đồng Cần Thơ</p> <p>2. Đánh giá kết quả điều trị bệnh tay chân miệng ở</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang</li> <li>- Đối tượng nghiên cứu: các trẻ em mắc bệnh tay chân miệng nhập viện điều trị tại khoa Nhiễm BV Nhi Đồng Cần Thơ</li> <li>- Thời gian: từ 9/2013 đến 8/2014</li> <li>• Cỡ mẫu:</li> </ul>	<b>10.000.000</b>	Ths. Nguyễn Thị Thu Cúc	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
	Cần Thơ từ tháng 9/2013 đến 8/2014	trẻ em tại Khoa Nhiễm BV Nhi Đồng Cần Thơ	$n = \frac{Z^2 \cdot p(1-p)}{d^2}$ <p>n: cỡ mẫu  p: tần số bệnh (p = 38,9% tỉ lệ mụn nước, bóng nước)  d: sai số cho phép (d = 5%).  Z: hệ số tin cậy. với độ tin cậy 95% thì Z = 1,96  n= 366 mẫu</p> <p><b>- Các bước tiến hành:</b>  + Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng của bệnh tay chân miệng ở trẻ em tại khoa Truyền Nhiễm BV Nhi Đồng Cần Thơ bằng cách khám lâm sàng sau đó ghi vào bộ câu hỏi thu thập số liệu  + Tìm hiểu đặc điểm cận lâm sàng của bệnh tay chân miệng bằng cách cho làm xét nghiệm: công thức máu (HC, Hct, BC, CTBC, Hb, MCV, MCH), CRP, EV 71  + Đánh giá kết quả điều trị: bằng cách điều trị theo dõi bệnh nhân hàng ngày, sau đó ghi vào bộ câu hỏi thu thập số liệu</p>			
5.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, đánh giá kết quả của Clomiphene citrate kích thích phóng noãn trong điều trị hiếm muộn	<p>1. Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của những trường hợp hiếm muộn.</p> <p>2. Khảo sát các tỷ lệ thành công và các yếu tố liên quan khi dùng Clomiphene citrate kích thích phóng noãn.</p>	<p>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> Mô tả cắt ngang.</p> <p>- <i>Đối tượng:</i> Những trường hợp đến khám hiếm muộn tại Khoa hiếm muộn BVĐK Thành Phố Cần Thơ</p> <p>- <i>Cỡ mẫu:</i></p> $N = \frac{Z^2_{(1-\alpha/2)} \times p(1-p)}{d^2}$ <p>Với p = 30% (tỷ lệ thành công khi dùng clomiphene citrate theo 1 nghiên cứu trước đó)</p>	15.000.000	Ths. Nguyễn Quốc Tuấn	Đề tài NCS tại Cần Thơ

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p><math>d = 0.09</math>  <math>N = 100</math> ca.  - Các bước tiến hành:  1. Ghi nhận các dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân.  2. Cho bệnh nhân dùng Clomiphene citrate theo phác đồ.  3. Hẹn bệnh nhân khám theo lịch.  4. Ghi nhận số lượng nang noãn, bề dày nội mạc tử cung ....  5. Theo dõi bệnh nhân có thai sinh hóa, lâm sàng hay không có thai.  6. Thu thập số liệu và phân tích kết quả</p>			
6.	<p>Nghiên cứu đổi mới chương trình đào tạo chuyên khoa cấp I và đào tạo liên tục về Y học gia đình tại Trường ĐHYD Cần Thơ, năm 2013</p>	<p>1. Xác định ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo CKI YHGĐ của học viên đã và đang học; giảng viên Trường và lãnh đạo các cơ sở y tế có BSGĐ công tác, năm 2013.  2. Xác định nhu cầu đào tạo liên tục của các bác sĩ CKI YHGĐ đã tốt nghiệp từ năm 2005 đến 2013 và đang công tác trong lĩnh vực khám chữa bệnh.  3. Đề xuất chương trình đào tạo CKI YHGĐ đổi mới và đào tạo liên tục dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của học viên, giảng viên, và lãnh đạo các cơ sở y tế liên quan.</p>	<p>- Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang và hồi cứu.  - Hồi cứu tất cả các phiếu phỏng vấn BSGĐ đã học trong 8 khóa từ 2003-2005 đến 2011-2013. (Dự kiến #300 phiếu trong tổng số 322 BS tốt nghiệp)  - Kết hợp Phát phiếu tự điền để khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo của <b>31</b> học viên đang học khóa 9.  - Phát phiếu tự điền để khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo và nhu cầu đào tạo liên tục của các BS CKI YHGĐ (qua bưu điện). Chọn ngẫu nhiên <b>100</b> bác sĩ trong tổng số #200Bs đang làm công tác điều trị tại tuyến quận/huyện và xã/phường.  - Phỏng vấn để xác định ý kiến về chương trình đào tạo của lãnh đạo và giảng viên tham gia dạy CKI YHGĐ. Dự kiến # <b>60</b> người.  - Phát phiếu tự điền để khảo sát ý kiến của lãnh đạo cơ sở y tế (nơi có BSGĐ thực hiện công tác khám chữa bệnh) về năng lực làm việc của các BS CKI</p>	<b>15.000.000</b>	Ths. Thái Thị Ngọc Thúy	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			YHGD (qua bưu điện).			
7.	Đánh giá hiệu quả của Misoprostol đường uống và đặt âm đạo ở thai lưu, thai dị dạng trong quý 2 tại Khoa Sản – bệnh viện ĐK Trung ương Cần Thơ	1. Đánh giá hiệu quả của Misoprostol đường uống và đặt âm đạo ở thai lưu, thai dị dạng trong quý 2. 2. Xác định các yếu tố liên quan đến hiệu quả của Misoprostol đường uống và đặt âm đạo trong thai lưu, thai dị dạng.	- <i>Thiết kế nghiên cứu</i> : nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên, có đối chứng - <i>Đối tượng</i> : Tất cả thai phụ mang thai từ 14 đến 28 tuần có chỉ định chấm dứt thai kỳ do thai chết trong tử cung hoặc thai dị dạng - <i>Cỡ mẫu</i> : tính theo công thức $n = \frac{\left[ Z_{1-\alpha/2} \sqrt{2P(1-P)} + Z_{1-\beta} \sqrt{P_1(1-P_1) + P_2(1-P_2)} \right]^2}{(P_1 - P_2)^2}$ Với $P_1 = 0,64$ $P_2 = 0,91$ $P = 1/2 (P_1 + P_2) = 0,78$ $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ $Z_{1-\beta} = 1,282$ Tính được $n = 47,6$ . Số bệnh nhân rút khỏi nghiên cứu là 10% $\Rightarrow n = 53$ bệnh nhân trong mỗi nhóm - <i>Thời gian</i> : từ 04/2013 đến 05/2014 - <i>Các bước thực hiện</i> : Tất cả thai phụ thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu trong thời gian tiến hành nghiên cứu, đã ký phiếu đồng ý tham gia nghiên cứu, sẽ được đưa vào mẫu nghiên cứu và phân ngẫu nhiên thành hai nhóm. Các đối tượng có thứ tự lẻ đưa vào nhóm 1, đối tượng có thứ tự chẵn đưa vào nhóm 2. <input type="checkbox"/> Nhóm 1: uống Misoprostol <input type="checkbox"/> Nhóm 2: đặt Misoprostol vào âm đạo - <i>Đánh giá kết quả và viết báo cáo</i>	<b>15.000.000</b>	Ths. Đương Mỹ Linh	Đề tài CKII tại Cần Thơ
8.	Khảo sát tỷ lệ và đặc điểm hình ảnh X quang vết ấn dây chằng sườn - đòn	1. Khảo sát tỉ lệ người có vết ấn dây chằng sườn - đòn dạng hồ 2. Khảo sát các đặc điểm	- <i>Phương pháp nghiên cứu</i> : mô tả cắt ngang - <i>Thời gian</i> : 8-12 tháng - <i>Cỡ mẫu</i> : $\geq 400$	<b>10.000.000</b>	BS. CKI. Lâm Đông Phong	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
	dạng hồ ở người đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	<p>hình ảnh X-quang vết ấn dây chằng sườn-đòn dạng hồ</p> <p>3. Khảo sát một số yếu tố lâm sàng liên quan vết ấn dây chằng sườn-đòn dạng hồ</p>	<p>- <i>Chọn mẫu:</i> đối tượng thỏa tiêu chuẩn được chọn vào mẫu suốt thời gian khảo sát</p> <p>- <i>Các bước tiến hành:</i></p> <p>+ Tập huấn kỹ thuật viên, bác sĩ thực hiện việc chụp và đọc phim X quang ngực chuẩn.</p> <p>+ Chọn mẫu.</p> <p>+ Tiến hành khảo sát trên nhóm người và phim X quang thỏa tiêu chuẩn đã chọn.</p> <p>+ Ghi lại danh sách nhóm người trong nhóm mẫu sau khi thu thập thông tin.</p> <p>+ Xử lý, bàn luận và nhận xét về thông tin thu thập được; so sánh với kết quả trong và ngoài nước.</p> <p>+ Báo cáo khoa học.</p>			
9.	Tình hình nhiễm đơn bào và vi nấm đường ruột ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ	<p>1. Xác định tỷ lệ nhiễm đơn bào và vi nấm ở trẻ em từ 6 tháng đến 6 tuổi tại Bệnh Viện Nhi Đồng Cần Thơ.</p> <p>2. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến tỷ lệ nhiễm đơn bào và vi nấm đường ruột ở trẻ em từ 6 tháng đến 6 tuổi tại Bệnh Viện Nhi Đồng Cần Thơ.</p> <p>3. Mô tả những triệu chứng ở những bệnh nhi có tìm thấy vi nấm hay đơn bào trong phân.</p>	<p>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> tiền cứu mô tả cắt ngang.</p> <p>- <i>Đối tượng:</i> Tất cả bệnh nhi từ 6 tháng – 6 tuổi nhập viện tại BV Nhi Đồng Cần Thơ từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2013.</p> <p>- <i>Tiêu chuẩn chọn bệnh:</i> Bệnh nhi nhập viện từ 6 tháng tuổi - 6 tuổi có triệu chứng về rối loạn tiêu hóa (tiêu chảy, táo bón,...). Phụ huynh đồng ý trả lời bộ câu hỏi phỏng vấn.</p> <p>- <i>Tiêu chuẩn loại trừ:</i> Bệnh nhân dùng thuốc tẩy giun trước đó 3 tháng. Bệnh nhân và người nhà không hợp tác.</p> <p>- <i>Cỡ mẫu:</i></p> $n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$ <p>n: cỡ mẫu nghiên cứu. Z: độ tin cậy . <math>\alpha</math>: mức ý nghĩa, <math>\alpha = 0,05 \Rightarrow Z = 1,96</math></p>	<b>15.000.000</b>	Ths. Lê Thị Cẩm Ly	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p>p: do không có nghiên cứu trước đó nên chúng tôi chọn <math>p=0,5</math>.</p> <p>d : sai số cho phép, <math>d = 0,05</math>.</p> <p><math>\Rightarrow n= 1,96^2</math>.</p> <p><math>n= 384</math></p> <p>- Các bước tiến hành:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chọn bệnh: trẻ em độ tuổi từ 6 tháng đến 6 tuổi nhập viện khoa tiêu chảy BV Nhi Đồng Cần Thơ.</li> <li>2. Thu thập thông tin theo phiếu nghiên cứu và hướng dẫn phụ huynh cách lấy phân của trẻ làm xét nghiệm.</li> <li>3. Tiến hành xét nghiệm phân tìm đơn bào và vi nấm.</li> <li>4. Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 18.0</li> <li>5. Hoàn chỉnh nghiên cứu và báo cáo</li> </ol>			
10.	Ứng dụng siêu âm trong gây tê đám rối cánh tay	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định tỉ lệ thành công của kỹ thuật</li> <li>2. Xác định tỉ lệ các biến chứng của kỹ thuật</li> </ol>	<p>- Phương pháp nghiên cứu: tiền cứu, hồi cứu mô tả cắt ngang</p> <p>- Đối tượng nghiên cứu: các trường hợp phẫu thuật chi trên tại bệnh viện Đại học Y dược Cần Thơ bao gồm cả phẫu thuật vùng vai và xương đòn, loại trừ các trường hợp có chống chỉ định với phương pháp này</p> <p>- Cỡ mẫu: 60 trường hợp</p> <p>- Thời gian: 9/2013 - 9/2014</p> <p>- Các bước tiến hành: khi có chỉ định phẫu thuật chi trên, người bệnh được giải thích đồng ý tham gia nghiên cứu. Tiến hành gây tê đám rối cánh tay theo 1 trong 2 kỹ thuật là đường khe cơ bậc thang hay đường trên đòn. Thiết bị sử dụng là máy siêu âm Sonosite đầu dò tần số 10.5MHz. Sau khi nhìn rõ cấu trúc thần kinh cần gây tê trên siêu âm, tiến hành chọc kim</p>	<b>10.000.000</b>	Ths. Đỗ Thanh Huy	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			qua da theo hướng song song trục đầu dò (kỹ thuật in plan), hướng kim đến cấu trúc thần kinh, bơm thuốc tê quanh cấu trúc thần kinh. Sau gây tê đánh giá mức độ tê, ghi nhận các biến cố nếu có.			
11.	Nghiên cứu tình hình chăm sóc tại nhà người cao tuổi bị bệnh mạn tính ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	<p>1. Xác định tỷ lệ người cao tuổi bị các loại bệnh mạn tính có nhu cầu và có người chăm sóc tại nhà năm 2013 ở quận Ô Môn thành phố Cần Thơ</p> <p>2. Xác định tỷ lệ người chăm sóc tại nhà cho người cao tuổi bị bệnh mạn tính có kiến thức, thực hành đúng.</p> <p>3. Xác định các yếu tố liên quan đến nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi</p> <p>4. Xác định các yếu tố liên quan đến thực trạng chăm sóc cho người cao tuổi tại địa phương</p>	<p>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> mô tả cắt ngang có phân tích.</p> <p>- <i>Đối tượng:</i> người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên đang mắc bệnh mạn tính và người chăm sóc chính cho người cao tuổi bị bệnh tại nhà, tại quận Ô Môn, TP Cần Thơ</p> <p>- <i>Cỡ mẫu:</i></p> $n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \times \frac{p \times (1-p)}{c^2}$ <p style="text-align: right;">Z = 1,96 (hệ số tin cậy với</p> <p>mức ý nghĩa là 95%)  P : tỉ lệ người cao tuổi có nhu cầu chăm sóc tại nhà, theo nghiên cứu trước đây của Trần Thị Hạnh và cộng sự tại quận Ô Môn, TP Cần Thơ năm 2008 là 30%  c : mức chính xác mong muốn, chọn c = 0,05  Cỡ mẫu tính được: n = 323 người.</p> <p>- <i>Tiêu chuẩn chọn mẫu</i>  + Người từ 60 tuổi trở lên đang mắc bệnh mạn tính, có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại quận Ô Môn TP Cần Thơ  + Được khám, chẩn đoán và đã điều trị tại các bệnh viện từ tuyến huyện trở lên, đã được xuất viện  + Người thân là vợ/chồng, anh/chị/em, con,</p>	<b>15.000.000</b>	CN. Nguyễn Thị Thùy Trang	Đề tài cao học



TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p>cháu, người làm thuê trong gia đình từ 18 tuổi trở lên chịu trách nhiệm chăm sóc chính người cao tuổi tại nhà.</p> <p>- <i>Tiêu chuẩn loại trừ</i></p> <p>+ Người cao tuổi đang mắc các bệnh lý cấp tính nặng</p> <p>+ Người cao tuổi bị bệnh mạn tính có chỉ định nhập viện</p> <p>+ Người chăm sóc chính bị câm điếc.</p> <p>+ Người chăm sóc có trình độ sơ cấp y trở lên.</p> <p>+ Người chăm sóc từ 60 tuổi trở lên.</p> <p>+ Gia đình người cao tuổi không đồng ý nghiên cứu.</p> <p>- Phương pháp chọn mẫu: phương pháp phân cụm, phân tầng ngẫu nhiên: Quận Ô Môn có 7 phường. Chọn quần thể nghiên cứu bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên chọn 4 phường. Mỗi phường chọn số lượng đối tượng nghiên cứu là 81 người, chọn theo phương pháp công tìm công cho đến khi đủ số lượng.</p>			
12.	Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh chụp cắt lớp vi tính ngực bệnh lao phổi ở trẻ em tại Khoa Nhi – bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	<p>1. Xác định tỉ lệ các đặc điểm dịch tễ, lâm sàng các trường hợp lao phổi trẻ em.</p> <p>2. Xác định tỉ lệ một số đặc điểm cận lâm sàng của các trường hợp lao phổi trẻ em.</p> <p>3. Xác định tỉ lệ các hình ảnh đặc trưng tổn thương của lao phổi trên phim CT Scan ngực ở bệnh nhân lao phổi AFB (-) và AFB (+).</p>	<p>- <i>Phương pháp nghiên cứu</i>: hồi cứu mô tả hàng loạt ca.</p> <p>- <i>Đối tượng nghiên cứu</i></p> <p>Tất cả bệnh nhi được chẩn đoán, điều trị lao phổi tại khoa Nhi - bệnh viện Phạm Ngọc Thạch từ 1/2009-12/2013. Đồng thời tất cả bệnh nhân này có CCLVT lồng ngực.</p> <p>- <i>Tiêu chuẩn chọn mẫu</i></p> <p>Tất cả bệnh nhi từ 15 tuổi trở xuống:</p> <p>+ Bệnh nhân nhập viện với chẩn đoán lao phổi.</p> <p>+ Được điều trị lao tại BV Phạm Ngọc Thạch.</p>	<b>10.000.000</b>	Bs. Nguyễn Thị Thu Sương	Đề tài cao học tại TPH CM

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Được CCLVT ngược.</li> <li>- <i>Tiêu chuẩn loại trừ</i></li> <li>+ Không có hồ sơ lưu trữ tại bệnh viện.</li> <li>+ Các bệnh lý khác trong lồng ngực không phải là lao phổi như: viêm phổi, u phế quản phổi, u màng phổi và các bệnh lý phổi khác.</li> <li>❖<i>Các bước tiến hành</i></li> <li>- Lấy dữ liệu từ khoa Nhi BV Phạm Ngọc Thạch các bệnh nhân được chẩn đoán lao phổi AFB (+), AFB (-) theo CTPCLQG, và được điều trị lao phổi</li> <li>- Các bệnh nhân phải được CCLVT</li> <li>- Vào lô nghiên cứu</li> <li>- Mô tả: Dịch tể, lâm sàng; Cận lâm sàng: Sinh hóa, x quang ngực; đặc điểm CT Scan ngực bệnh lao phổi AFB (+), AFB (-)</li> </ul>			
13.	Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn ở các bà mẹ có con từ 6 tháng đến 1 tuổi tại khoa Nội Tổng Quát 2 và khoa Tiêu Hóa Bệnh Viện Nhi Đồng 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định tỉ lệ bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn</li> <li>2. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến việc bà mẹ không nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> Nghiên cứu cắt ngang mô tả.</li> <li>- <i>Đối tượng nghiên cứu:</i> các bà mẹ có con từ đủ 6 tháng đến 1 tuổi nhập viện khoa Nội Tổng Quát 2 và khoa Tiêu Hóa BVNĐ1.</li> <li>- <i>Cách thu thập số liệu:</i> Lấy mẫu thuận tiện: chọn những bệnh nhi từ đủ 6 tháng đến 1 tuổi nhập viện khoa Nội Tổng Quát 2 và khoa Tiêu hóa BVNĐ1 từ tháng 3/2013 và phỏng vấn các bà mẹ của những bệnh nhi được chọn bằng bảng câu hỏi soạn sẵn.</li> <li>- <i>Tiêu chuẩn chọn lựa:</i> Những bà mẹ trả lời đầy đủ các câu hỏi trong bảng câu hỏi soạn sẵn.</li> <li>- <i>Tiêu chuẩn loại trừ:</i> Những bà mẹ từ chối tham gia.</li> </ul>	<b>11.000.000</b>	Bs. Nguyễn Thị Nguyễn Thảo	Đề tài cao học tại TPH CM

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p><i>Phương pháp phân tích số liệu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu thống kê được xử lý bằng phần mềm SPSS 12.0 for windows.</li> <li>- Biến số định tính được trình bày dưới dạng tần số và tỉ lệ %.</li> <li>- Biến số định lượng được trình bày dưới dạng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn.</li> <li>- Tương quan giữa các biến số được khảo sát bằng phép kiểm chi bình phương, so sánh số lần đổi sữa giữa các nhóm bằng phép kiểm Mann Whitney và xác định sự tương quan giữa kiến thức và số lần đổi sữa bằng phép kiểm Spearman, <math>p &lt; 0.05</math> có ý nghĩa thống kê.</li> </ul>			
14.	Đánh giá hiệu quả phục hồi chức năng giới hạn tâm hoạt động khớp chi dưới trên bệnh nhân sau chấn thương bằng bài tập kéo giãn tại Trung tâm chỉnh hình và phục hồi chức năng Cần Thơ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định tỷ lệ hiệu quả điều trị phục hồi chức năng trên từng nhóm bệnh nhân</li> <li>2. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> hồi cứu</li> <li>- <i>Đối tượng:</i> Tất cả bệnh nhân có giới hạn tâm hoạt động khớp chi dưới sau chấn thương đến điều trị tại Trung tâm chỉnh hình và Phục hồi chức năng Cần Thơ.</li> <li>- <i>Thời gian:</i> từ 01/2010 đến 12/2013</li> <li>- <i>Cỡ mẫu:</i> 60 trường hợp.</li> <li>- <i>Các bước thực hiện:</i> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng phiếu thu thập số liệu dựa trên mẫu bệnh án.</li> <li>2. Truy cứu hồ sơ bệnh án theo phiếu thu thập.</li> <li>3. Xử lý số liệu</li> </ol> </li> </ul>	<b>10.000.000</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ths. Nguyễn Dương Hanh</li> <li>- Bs. Lê Thị Mỹ Tiên</li> </ul>	
15.	Nghiên cứu tình hình mắc bệnh Gout ở người dân $\geq 40$ tuổi tại thành phố Cần Thơ năm 2012	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định tỉ lệ mắc bệnh Gout của người dân <math>\geq 40</math> tuổi tại thành phố Cần Thơ.</li> <li>2. Xác định tỉ lệ các đặc điểm dịch tễ học ở người dân <math>\geq 40</math> tuổi có bệnh Gout tại thành phố Cần Thơ.</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu cắt ngang phân tích</li> <li>- <i>Đối tượng nghiên cứu:</i> người dân thành phố Cần Thơ <math>\geq 40</math> tuổi</li> <li>- <i>Các bước thực hiện:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lấy danh sách người dân thành phố Cần Thơ: chọn kiểu ngẫu nhiên phân tầng. (n=1000)</li> <li>+ Chọn người dân.</li> </ul> </li> </ul>	15.000.000	Ths. Trịnh Kiến Trung	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tập huấn nhóm lấy số liệu.</li> <li>+ Hỏi và khám người dân theo bộ câu hỏi; lấy máu xét nghiệm acid uric.</li> <li>+ Phân tích kết quả và báo cáo.</li> <li>- Cỡ mẫu: 1000 người dân</li> </ul>			
16.	Nghiên cứu giải phẫu vật nhánh xuyên động mạch mạc mạc trên (Superior Gluteal Artery Perforator Flap: SGAPFlap)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định cấu trúc giải phẫu nhánh xuyên động mạch mạc mạc trên.</li> <li>2. Đưa ra cách xác định và lấy vật nhánh xuyên động mạch mạc mạc trên</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phẫu tích các vật nhánh xuyên động mạch mạc mạc trên 10 xác (20 mẫu) được cố định bằng formol tại Bộ môn Giải phẫu, trường ĐH Y Dược Cần Thơ.</li> <li>- Đo đạc, ghi nhận các kết quả.</li> <li>- Xử lý số liệu và viết báo cáo.</li> </ul>	10.000.000	Ths. Hoàng Minh Tú	
17.	Giải phẫu động mạch Cơ Răng Trước	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mô tả giải phẫu dạng điển hình của động mạch, tĩnh mạch cơ răng trước.</li> <li>2. Mô tả các dạng biến đổi của giải phẫu động mạch và tĩnh mạch cơ răng trước.</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Đối tượng nghiên cứu:</i> Nghiên cứu được tiến hành trên 24 mẫu từ 12 xác là người Việt Nam được cố định bằng dung dịch alcohol và formol qua động mạch cảnh, tại bộ môn Giải Phẫu khoa Y trường Đại Học Y Dược Cần Thơ.</li> <li>- Là người trưởng thành trong độ tuổi từ 16 đến 80 chết không do các bệnh về cơ, mạch máu, khu vực ngực, vai, không dị tật, vùng nách còn nguyên vẹn.</li> <li>- Các dụng cụ, vật liệu cần cho nghiên cứu bao gồm: Bộ dụng cụ phẫu tích thông thường có bổ sung thêm kéo vi phẫu tích, kính lúp 4,5 x, thước đo kẹp Palme của Thụy Điển, thước chuyên dùng có chia vạch đơn vị đến 0,1mm.</li> </ul>	10.000.000	Ths. Phạm Việt Mỹ	
18.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh tay chân miệng nặng tại Khoa Hồi sức tích cực-chống độc Bệnh	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định đặc điểm lâm sàng bệnh tay chân miệng nặng.</li> <li>2. Xác định đặc điểm cận lâm sàng bệnh tay chân miệng nặng</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu hồi cứu và tiền cứu – mô tả hàng loạt ca.</li> <li>- <i>Đối tượng:</i> tất cả bệnh nhi được chẩn đoán tay chân miệng bằng lâm sàng và cận lâm sàng, có biến chứng, được nhập trực tiếp vào Khoa Hồi sức tích cực</li> </ul>	8.000.000	Ths. Phan Việt Hưng	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
	viện Nhi Đồng Cần Thơ	3. Đánh giá kết quả điều trị bệnh tay chân miệng nặng.	<p>Chống độc (hoặc từ Khoa khác chuyển đến) từ tháng 10/2011 đến 10/2012.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả hồ sơ bệnh án (đối với bệnh án hồi cứu) và những ca tay chân miệng nhập Khoa Hồi sức tích cực Chống độc (đối với bệnh nhi tiền cứu) đáp ứng tiêu chí chọn, được thu thập theo bệnh án mẫu. Bệnh án mẫu được thiết kế với nội dung thích hợp cho việc trả lời 3 mục tiêu nghiên cứu)</li> <li>- Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 11.5.</li> </ul>			
<b>KHOA DƯỢC (4 ĐỀ TÀI)</b>						
19.	Nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2013	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định tỷ lệ các loại thuốc thực hiện theo danh mục thuốc bệnh viện.</li> <li>2. Xác định tỷ lệ các loại thuốc được sử dụng trong hồ sơ bệnh án.</li> <li>3. Xác định tỷ lệ và các mức độ tương tác thuốc trong hồ sơ bệnh án.</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Khảo sát đặc điểm bệnh nhân nghiên cứu</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tuổi và giới tính bệnh nhân</li> <li>+ Các nhóm bệnh được chẩn đoán</li> <li>+ Số ngày nằm viện của bệnh nhân</li> </ul> </li> <li>- <i>Xác định tỷ lệ các loại thuốc được thực hiện theo danh mục thuốc bệnh viện năm 2013</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định cơ cấu DMT theo nhóm tác dụng dược lý</li> <li>+ Xác định cơ cấu thuốc nội - thuốc ngoại trong DMTBV năm 2013</li> <li>+ Xác định cơ cấu thuốc mang tên gốc - tên biệt dược trong DMTBV</li> <li>+ Tỷ lệ thuốc thiết yếu và thuốc chủ yếu trong DMTBV năm 2013</li> <li>+ Tỷ lệ thuốc đơn thành phần - thuốc đa thành phần trong DMTBV</li> <li>+ Tỷ lệ % các dạng thuốc trong DMTBV</li> </ul> </li> <li>- <i>Kết quả xác định tỷ lệ các loại thuốc được sử dụng trong hồ sơ bệnh án</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số thuốc trung bình cho mỗi đơn trong các bệnh án</li> </ul> </li> </ul>	<b>5..000.000</b>	Ts. Phạm Thành Suôi	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số thuốc được kê đơn theo tên gốc</li> <li>+ Thuốc có tỷ lệ sử dụng cao tại BV</li> <li>+ Đơn thuốc trong bệnh án có sử dụng Kháng sinh</li> <li>+ Đơn thuốc trong bệnh án có sử dụng Corticoid</li> <li>+ Đơn thuốc trong bệnh án có sử dụng Vitamin</li> <li>+ Khảo sát đường dùng thuốc</li> <li>- <i>Xác định tỷ lệ và các mức độ tương tác thuốc</i></li> <li>+ Tỷ lệ bệnh án có tương tác thuốc</li> <li>+ Tỷ lệ các mức tương tác thuốc</li> <li>+ Tỷ lệ xuất hiện của các cặp tương tác thuốc</li> <li>+ Môi trường quan giữa số thuốc sử dụng và tương tác thuốc</li> </ul>			
20.	Nghiên cứu quy trình định lượng đồng thời Evodiamine và Rutaecarpine trong quả của cây Ngô thù du (Fructus Evodiae) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) với đầu dò PDA	<p>1. Xây dựng quy trình định lượng đồng thời Evodiamine và Rutaecarpine trong quả của cây Ngô thù du.</p> <p>2. Ứng dụng quy trình đã thẩm định để định lượng một vài mẫu thu mua trên thị trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thu mua mẫu dược liệu quả Ngô thù du tại Thành phố Cần Thơ.</i></li> <li>- <i>Tối ưu hóa quy trình chiết xuất 2 alkaloid Evodiamine và Rutaecarpine</i></li> <li>+ Lựa chọn phương pháp chiết</li> <li>+ Khảo sát ảnh hưởng của loại dung môi chiết</li> <li>+ Khảo sát ảnh hưởng của thể tích dung môi chiết</li> <li>+ Khảo sát ảnh hưởng số lần chiết</li> <li>+ Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ</li> <li>+ Hiệu suất chiết (tỷ lệ phục hồi của quy trình chiết)</li> <li>- <i>Xây dựng quy trình định lượng đồng thời Evodiamine và Rutaecarpine trong quả Ngô thù du bằng phương pháp HPLC-PDA:</i></li> <li>+ Khảo sát các điều kiện sắc ký tối ưu: thành phần pha động, tỷ lệ dung môi, tốc</li> </ul>	<b>10.000.000</b>	Ts. Nguyễn Thị Ngọc Vân	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p>độ dòng, nhiệt độ cột, bước sóng phát hiện: Khảo sát quy trình tách 2 alkaloid trên chất chuẩn; khảo sát quy trình tách 2 alkaloid trên mẫu dược liệu chiết được.</p> <p>+ Khảo sát tính tương thích hệ thống: đánh giá 6 thông số sắc ký (thời gian lưu, diện tích đỉnh, độ phân giải, tính chọn lọc và hệ số dung lượng)</p> <p>+ Thẩm định quy trình phân tích: tính đặc hiệu, khoảng tuyến tính, độ chính xác và độ đúng phương pháp, giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng</p> <p>- <i>Ứng dụng quy trình đã thẩm định để định lượng một vài mẫu thu mua trên thị trường: Mỗi mẫu dược liệu được chiết 6 lần và nhận xét về hàm lượng alkaloid trong các mẫu khác nhau.</i></p>			
21.	Nghiên cứu bào chế viên phóng thích kéo dài (PTKD) chứa metoprolol 50 mg và amlodipin 5 mg	<p>1. Nghiên cứu giải pháp kiểm soát độ hòa tan và tốc độ phóng thích của metoprolol và amlodipin.</p> <p>2. Thiết kế thực nghiệm và tối ưu hóa công thức và quy trình bào chế viên PTKD chứa metoprolol 50 mg và amlodipin 5 mg</p>	<p>- <i>Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời metoprolol và amlodipin bằng phương pháp HPLC.</i></p> <p>+ Khảo sát quy trình xử lý mẫu.</p> <p>+ Khảo sát điều kiện chạy HPLC.</p> <p>+ Thẩm định quy trình định lượng đồng thời bằng phương pháp HPLC.</p> <p>- <i>Thiết kế thực nghiệm và tối ưu hóa công thức và quy trình bào chế viên PTKD chứa metoprolol 50 mg và amlodipin 5 mg.</i></p> <p>+ Khảo sát tá dược phù hợp cho viên PTKD chứa metoprolol 50 mg và amlodipin 5 mg.</p> <p>+ Xử dụng phần mềm INForm để tối ưu hóa công thức.</p> <p>- <i>Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm của viên PTKD chứa metoprolol 50 mg và amlodipin 5 mg: tiến hành đánh giá cảm</i></p>	17.500.000	Ths. Nguyễn Thị Linh Tuyền	Đề tài NCS

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			quan, độ đồng đều khối lượng, độ hòa tan, độ cứng, định tính, định lượng .... viên bào chế được.			
22.	Nghiên cứu bào chế viên nén nổi chứa curcumin	<p>1. Nghiên cứu bào chế viên nén nổi placebo và viên nén nổi chứa curcumin.</p> <p>2. So sánh khả năng nổi của viên nén nổi placebo và viên nén nổi chứa curcumin.</p>	<p>1. Tìm hiểu các tài liệu liên quan đến điều chế viên nén nổi</p> <p>2. Điều chế viên nén nổi placebo và viên nén nổi curcumin</p> <p>- <i>Nghiên cứu bào chế viên nén nổi placebo</i></p> <p>+ Khảo sát ảnh hưởng của loại tá dược tạo khí đến khả năng nổi của viên nén nổi placebo</p> <p>+ Khảo sát ảnh hưởng của loại tá dược tạo khung matrix đến khả năng nổi của viên nén nổi placebo</p> <p>+ Khảo sát ảnh hưởng của nồng độ polymer đến khả năng nổi của viên nén nổi placebo</p> <p>+ Khảo sát ảnh hưởng của nồng độ tá dược tạo khí đến khả năng nổi của viên nén nổi placebo</p> <p>+ Khảo sát ảnh hưởng của acid citric đến khả năng nổi của viên nén nổi placebo</p> <p>+ Khảo sát ảnh hưởng của độ cứng viên đến khả năng nổi của viên nén nổi placebo</p> <p>- <i>Nghiên cứu bào chế viên nén nổi chứa curcumin</i></p> <p>Công thức viên nén nổi placebo có khả năng nổi tốt nhất sẽ được lựa chọn để bào chế viên nén nổi trong dạ dày chứa curcumin với hàm lượng curcumin là 100 mg. Quy trình bào chế viên nén nổi curcumin tương tự như quy trình bào chế viên nén nổi placebo nhưng ở giai đoạn đầu curcumin được nghiền trộn với <math>\beta</math>-</p>	<b>10.000.000</b>	Ths. Lê Thị Minh Ngọc	



TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p>cyclodextrin trước sau đó mới trộn với các tá dược khác theo nguyên tắc đồng lượng.</p> <p>3. So sánh độ nổi của viên nén nổi placebo và viên nén nổi curcumin: Viên nén nổi chứa curcumin sẽ được so sánh với viên nén nổi placebo tối ưu về khả năng nổi. Các thông số so sánh gồm: Tiềm thời, thời gian nổi và tính nguyên vẹn của viên.</p> <p>4. Số liệu xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel để tính các giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, ...</p>			
<b>KHOA RHM (3 ĐỀ TÀI)</b>						
23.	Nghiên cứu tình hình bệnh sâu răng và các yếu tố liên quan của học sinh 12 và 15 tuổi tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, năm 2013	<p>1. Xác định tỉ lệ bệnh sâu răng và chỉ số sâu mất trám răng của học sinh 12 và 15 tuổi, tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.</p> <p>2. Xác định một số yếu tố liên quan đến bệnh sâu răng của học sinh 12 và 15 tuổi, tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.</p>	<p>- <i>Phương pháp nghiên cứu</i>: mô tả cắt ngang</p> <p>- <i>Đối tượng nghiên cứu</i>: Học sinh ở lứa tuổi 12 và 15, đang học tại các trường THCS ở quận Cái Răng năm học 2012 – 2013, đang học lớp 6, năm sinh 2001, đang học lớp 9, năm sinh 1998.</p> <p>- <i>Cỡ mẫu</i>: cho lứa tuổi 12 là 332 học sinh, lứa tuổi 15 là 282 học sinh.</p> <p>- <i>Phương pháp chọn mẫu</i> có xác suất tỉ lệ với độ lớn của cụm (Probability Proportional to Size) (PPS) Chọn được 3 cụm trường là: + Cụm 1: Trường THCS Hưng phú, Số Hs chọn vào mẫu là <math>n_{12} = 101</math>, <math>n_{15} = 86</math>. + Cụm 2: Trường THCS Lê Bình, <math>n_{12} = 132</math>, là <math>n_{15} = 112</math>. + Cụm 3: Trường THCS Phú Thứ, <math>n_{12} = 99</math>, là <math>n_{15} = 84</math>. Tại mỗi trường, dựa vào danh sách lớp và học sinh đã chọn, giám thị của trường</p>	<b>12.000.000</b>	CN. Lê Minh Thành	Đề tài cao học tại Cần Thơ

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p>hoặc thầy cô chủ nhiệm gọi tên các em tới phòng vấn và khám răng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập số liệu cho nghiên cứu</li> <li>+ Khám lâm sàng sâu răng cho học sinh đã chọn tại trường. Sử dụng các dụng cụ khám, phiếu khám và cùng điều kiện khám, theo mẫu của WHO-1997</li> <li>+ Phòng vấn học sinh tại trường cùng với bảng câu hỏi</li> </ul>			
24.	Mối liên hệ giữa kháng thể kháng CCP (anti cyclic citrullined protein) với tình trạng nha chu trên bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định tình trạng nha chu trên bệnh nhân VKDT.</li> <li>2. So sánh tình trạng nha chu trên BN VKDT có kháng thể kháng CCP dương tính với BN VKDT có kháng thể kháng CCP âm tính.</li> <li>3. Xác định mối tương quan mức độ bệnh nha chu với lượng kháng thể kháng CCP trên BN VKDT.</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> cắt ngang mô tả</li> <li>- <i>Đối tượng:</i> Bệnh nhân mắc bệnh viêm khớp dạng thấp đến khám và điều trị tại BV Chợ Rẫy</li> <li>- <i>Cỡ mẫu:</i> 100 bệnh nhân (mẫu thuận tiện)</li> <li>- <i>Phương pháp chọn mẫu:</i></li> <li>+ Tiêu chuẩn chọn: là những người tự nguyện tham gia nghiên cứu; những người được chẩn đoán xác định VKDT theo tiêu chuẩn của ACR 1987 bởi các Bác sĩ chuyên khoa Nội xương- khớp và được làm test đo kháng thể kháng CCP trong huyết thanh.</li> <li>+ Tiêu chuẩn loại trừ: bệnh nhân không đồng ý tham gia nghiên cứu; bệnh nhân có ít hơn 4 răng (không tính răng cối lớn thứ ba) và không còn khả năng tự vệ sinh răng miệng; đã từng điều trị nha chu trong vòng 3 tháng trước nghiên cứu; đang trong thời kỳ thai nghén; có các bệnh kèm theo như: đái tháo đường, bệnh mạch vành, các bệnh tự miễn khác, hội chứng Sjogren, béo phì, loãng xương, bệnh lý ác tính đang dùng thuốc ức chế miễn dịch hay hoá trị</li> </ul>	12.000.000	Bs. Trần Hà Phương Thảo	Đề tài cao học tại TPH CM

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p>- Thời gian: 10/2012 - 06/2013</p> <p>- Các bước thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện nghiên cứu thăm dò</li> <li>+ Thực hiện nghiên cứu chính thức</li> <li>+ Gửi thông tin nghiên cứu và giấy mời tham gia thực hiện nghiên cứu đến các bệnh nhân viêm khớp dạng thấp khám tại phòng khám Cơ-Xương-Khớp và điều trị tại bệnh phòng khoa Cơ-Xương-Khớp – Bệnh viện Chợ Rẫy</li> <li>+ Tiến hành khám và thu thập các thông tin nghiên cứu</li> <li>+ Tặng quà cho các bệnh nhân tham gia nghiên cứu</li> <li>+ Kết thúc nghiên cứu khi đủ số lượng mẫu</li> <li>+ Nhập số liệu và phân tích và xử lý số liệu bằng phần mềm Excel và SPSS cho ra kết quả</li> </ul>			
25.	Tình trạng sức khỏe mô nha chu sau nhổ răng khôn hàm dưới	1. Đánh giá sự thay đổi các chỉ số mảng bám ( <b>PI</b> ), chỉ số nướu ( <b>GI</b> ), chỉ số chảy máu nướu khi thăm dò ( <b>BOP</b> ) của các răng thuộc sextant kế cận; độ sâu túi nha chu ( <b>PD</b> ), khoảng cách từ biểu mô bám dính đến mặt nhai ( <b>BM-MN</b> ), khoảng cách từ mào xương ổ răng đến đường nối men xê măng ( <b>XO-MXM</b> ) của răng cối lớn thứ hai kế cận vào các thời điểm trước phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới mọc lệch/ngâm, sau phẫu	<p>- Phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu can thiệp lâm sàng</p> <p>- Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Bộ môn Phẫu thuật miệng, Khoa RHM-ĐHYD TP.HCM từ 09/2012 đến 08/2013</p> <p>- Cỡ mẫu: 80 bệnh nhân có chỉ định và nhu cầu phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới mọc lệch (chọn mẫu thuận tiện)</p> <p>- Các bước thực hiện:</p> <p><b>1. Trước phẫu thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bệnh nhân được chia thành hai nhóm: nhóm đã có và nhóm chưa có biến chứng tại chỗ trước đó.</li> <li>b) Xét nghiệm máu: Ts, Tc, công thức máu toàn bộ.</li> <li>c) Lấy máu, đồ mẫu, làm dấu khóa khớp</li> </ul>	<b>12.000.000</b>	Bs. Nguyễn Hoàng Nam	Đề tài cao học tại TPH CM

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
		<p>thuật 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng.</p> <p>2. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố: biến chứng, độ sâu răng khôn đến tình trạng nha chu của các răng thuộc sextant kế cận.</p>	<p>cẩn cá nhân bằng nhựa acrylic để đồng nhất hóa vị trí các điểm đo và chiều thể chụp phim tia X giữa các lần khảo sát.</p> <p>d) Chụp phim quanh chóp để đánh giá vị trí của răng khôn hàm dưới theo phân loại của Pell và phân loại thành “răng khôn nằm nông” và “răng khôn nằm sâu”.</p> <p>e) Đo các chỉ số trước phẫu thuật tại các răng thuộc sextant kế cận răng phẫu thuật, bao gồm các chỉ số: PI, GI, BOP, PD, CAL, Chiều cao xương ổ răng.</p> <p><b>2. Trong quá trình phẫu thuật:</b></p> <p>Tất cả các bệnh nhân tham gia nghiên cứu đều được cùng một phẫu thuật viên phẫu thuật theo cùng một trình tự, vật được dùng là vật tam giác.</p> <p>+ Bệnh nhân được hướng dẫn làm theo phiếu dặn dò sau phẫu thuật.</p> <p>+ Bệnh nhân được cắt chỉ vào ngày thứ bảy sau phẫu thuật.</p> <p><b>3. Sau phẫu thuật:</b></p> <p>Bệnh nhân được hẹn quay lại sau 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng để ghi nhận lại các chỉ số: PI, GI, BOP, PD, CAL và đo chiều cao xương ổ răng ở vị trí Ngoài-Xa của răng cối lớn thứ hai hàm dưới kế cận.</p> <p>- Sử dụng phần mềm Microsoft Excel và SPSS 16.0 để nhập và xử lý số liệu.</p>			
<b>KHOA YTCC (2 ĐỀ TÀI)</b>						
26.	Nghiên cứu tình hình tăng huyết áp ở người cao tuổi và một số yếu tố liên quan tại Huyện	1. Xác định tỷ lệ tăng huyết áp ở người cao tuổi tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ năm 2013.	<p>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> Mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng</p> <p>- <i>Thời gian:</i> từ 30/06/2012 đến 30/06/2013 tại Huyện Phong Điền TP</p>	<b>12.000.000</b>	CN. Lê Văn Lèo	Đề tài cao học tại trường

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VNĐ)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
	Phong Điền Thành Phố Cần Thơ năm 2013	2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tăng huyết áp ở người người cao tuổi tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần thơ năm 2013.	<p>Cần Thơ</p> <p>- <i>Cỡ mẫu:</i></p> $n = \frac{Z^2_{(1-\alpha/2)} \cdot p \cdot (1-p)}{d^2}$ <p><math>\alpha = 0,05</math> (độ tin cậy là 95%),</p> <p><math>Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96</math></p> <p>p: tỉ lệ % hộ gia đình có kiến thức, thực hành phòng chống tăng huyết áp</p> <p>Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Hoàng 2010, có kiến thức, thực hành phòng chống tăng huyết áp là 50.2%. Chọn p = 0,502.</p> <p>d: Sai số cho phép (= 0,04)</p> <p>Thay vào công thức n = 600</p> <p>* <i>Phương pháp chọn mẫu :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 1: Huyện Phong Điền có 6 xã và một thị trấn, bằng cách bốc thăm chọn ngẫu nhiên 3 xã và một thị trấn</li> <li>- Bước 2: Ở mỗi xã, thị trấn liệt kê danh sách người cao tuổi</li> <li>- Bước 3: Ở mỗi xã, thị trấn bốc thăm chọn nhà đầu tiên trong danh sách, sau đó đi nhà liền nhà cho đến khi đủ số lượng</li> </ul> <p>* <i>Thu thập số liệu:</i> bằng bảng câu hỏi</p> <p>* <i>Nội dung thu thập:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phỏng vấn người đại diện trong hộ gia đình bằng bộ câu hỏi.</li> <li>+ Cân nặng, đo chiều cao, đo huyết áp, đo vòng eo, vòng hông</li> </ul>			g
27.	Nghiên cứu tình trạng suy dinh dưỡng và sức khỏe của người cao tuổi tại huyện Châu	1.Xác định tỷ lệ thiếu dinh dưỡng ở NCT tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2013 2. Xác định tỷ lệ mắc	<p>- <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> Mô tả cắt ngang.</p> <p>-<i>Đối tượng NC:</i> Người dân từ 60 tuổi trở lên tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang -2013</p>	<b>12.000.000</b>	- Ths. Nguyễn Thị Hiền	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
	Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2013	bệnh mạn tính và triệu chứng thường gặp ở NCT tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2013 3. Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến thiếu dinh dưỡng ở NCT tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2013	- <i>Cỡ mẫu</i> : 600 người - <i>Phương pháp chọn mẫu</i> : chọn mẫu cụm (ấp), tổng số cụm là 30 (20 NCT/ cụm). - <i>Nội dung nghiên cứu</i> : + Đo cân nặng, chiều cao để tính chỉ số BMI + Phỏng vấn NCT hoặc người thân về các bệnh mạn tính hiện mắc, các triệu chứng trong 2 tuần qua, khả năng tự phục vụ trong sinh hoạt thường ngày, tình trạng ăn uống, các yếu tố gia đình và cá nhân liên quan thiếu dinh dưỡng của NCT + Kế hoạch thực hiện: Nhóm điều tra thu thập số liệu gồm 3 người 1 Bác sĩ, 1 KTV xét nghiệm và đo nhãn trác, và 1 phỏng vấn viên (SV). <i>Thời gian dự kiến hoàn thành thu thập số liệu</i> : 2 tháng		- PGs.Ts Phạm Thị Tâm	
<b>KHOA ĐIỀU DƯỠNG (1 ĐỀ TÀI)</b>						
28.	Khảo sát nhu cầu và khả năng chi trả cho dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà của người dân và khả năng đáp ứng của cán bộ trạm y tế huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ	1. Xác định tỷ lệ người dân có nhu cầu được chăm sóc sức khỏe tại nhà và khả năng chi trả cho dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà của họ. 2. Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe tại nhà cho người dân của cán bộ trạm y tế huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ	- <i>Phương pháp nghiên cứu</i> : nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích - <i>Đối tượng</i> : tất cả người dân có hộ khẩu tại huyện Phong Điền TP Cần Thơ và các cán bộ y tế đang làm việc tại trạm y tế trong địa bàn huyện trong thời gian nghiên cứu. - <i>Thời gian</i> : từ 6/2012-03/2013 - <i>Cỡ mẫu</i> : $n = \frac{Z^2_{1-\alpha/2} P(1-P)}{d^2}$ <i>n</i> : Là cỡ mẫu. $\alpha$ : Mức ý nghĩa thống kê ( $\alpha = 0,05$ ). <i>Z</i> : Trị số phân phối chuẩn = 1,96. <i>P</i> : Trị số mong muốn tỷ lệ = 0,68.	<b>12.000.000</b>	CN Nguyễn Việt Phương	Đề tài cao học

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			<p>d: Sai số cho phép = 0,05. Thay vào công thức <math>n = 670</math>.</p> <p><i>Nội dung nghiên cứu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu:</li> <li>+ Đối với người dân: tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, khoảng cách từ nhà đến trạm y tế, thu nhập bình quân đầu người/tháng, tham gia bảo hiểm y tế.</li> <li>+ Đối với cán bộ trạm y tế: tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác.</li> <li>- Các đặc điểm liên quan đến khám chữa bệnh của người dân.</li> <li>- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.</li> <li>- Nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà của người dân và khả năng chi trả của họ.</li> <li>- Khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà của cán bộ y tế đang làm việc tại các trạm y tế.</li> </ul>			
<b>KHOA KHCB (1 ĐỀ TÀI)</b>						
29.	Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nhóm trên lớp của sinh viên năm thứ hai trường Đại Học Y Dược Cần Thơ	<p>1. Khảo sát ý kiến của sinh viên năm thứ 2 trường ĐHYD Cần Thơ về hoạt động nhóm trên lớp.</p> <p>2. Tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nhóm trên lớp của sinh viên năm 2 trường Đại Học Y Dược Cần Thơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phương pháp nghiên cứu</i>: mô tả cắt ngang.</li> <li>- <i>Đối tượng nghiên cứu</i>: SV năm thứ hai hệ chính qui thuộc năm học 2013-2014.</li> <li>- Nghiên cứu được thực hiện thông qua việc sinh viên tự trả lời bảng hỏi và phỏng vấn trường hợp.</li> <li>- <i>Các bước thực hiện</i>: <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Soạn thảo câu hỏi.</li> <li>2. Thu thập số liệu: phát bảng câu hỏi khảo sát sinh viên năm thứ 2 tại trường</li> <li>3. Phân tích và xử lý số liệu bằng</li> </ul> </li> </ul>	<b>9.000.000</b>	Ths. Âu Xuân Sâm	

TT	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Kinh phí phê duyệt (VND)	Cá nhân đề xuất	Ghi chú
			chương trình SPSS 18.0 4. Báo cáo kết quả.			
<b>TRUNG TÂM CNTT (1 ĐỀ TÀI)</b>						
30.	Nghiên cứu sản xuất phần mềm quản lý tiền lương cán bộ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Xây dựng phần mềm quản lý tiền lương cơ bản, thu nhập tăng thêm, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác của cán bộ trường	- Xây dựng cơ sở dữ liệu phần mềm tiền lương của cán bộ trường. - Thiết kế giao diện phần mềm. - Viết mã nguồn phần mềm. - Chạy thử phần mềm. - Đưa vào sử dụng.	<b>8.000.000</b>	CN. Trần Việt Xô	

**Tổng cộng: 30 đề tài**

**Tổng kinh phí: 335.500.000đ (Ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng)**

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị thuộc trường;
- BGH (để biết);
- Lưu HCTH, NCKH, TCKT.

